

Số: **599** /MĐC-TCCB

Hà Nội, ngày **03** tháng **11** năm 2022

V/v thông báo kết quả đánh giá, xếp loại năm học 2021 - 2022
và đăng ký phương án trọng số KPIs, hạng nhân viên
hành chính năm học 2022 - 2023

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 sửa đổi,;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Căn cứ Kết luận cuộc họp Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ngày 01/11/2022;

Nhà trường triển khai đến các đơn vị các nội dung sau đây:

I. Phần 1: Thông báo kết luận cuộc họp Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng năm học 2021 - 2022 như sau:

1. Đối với viên chức giảng dạy (VCGD) (*kết quả xếp loại xem phụ lục số 1*)

+ Mức A⁺: điểm đánh giá từ 105 điểm trở lên.

+ Mức A: điểm đánh giá từ 98 điểm đến nhỏ hơn 105 điểm.

+ Mức B: điểm đánh giá từ 80 điểm đến nhỏ hơn 98 điểm.

+ Mức C: điểm đánh giá nhỏ hơn 80 điểm.

- Điểm đánh giá xác định theo quy định của Nhà trường được làm tròn đến 0,5.

Ví dụ: điểm đánh giá từ 104,50 đến 104,99 làm tròn 105 điểm; điểm đánh giá từ 97,50 đến 97,99 làm tròn 98 điểm.

- Mức xếp loại chất lượng của cá nhân có điểm khuyến khích chỉ được tăng tối đa 01 mức so với xếp loại chất lượng cá nhân đó đạt được khi chưa xét điểm khuyến khích.

- VCGD được A+ nhưng điều chỉnh tối đa chỉ xếp loại A nếu có thành phần giảng dạy hoặc nghiên cứu khoa học nằm trong mức C "không hoàn thành nhiệm vụ".

- Đối với trường hợp hoàn thành chậm tiến độ học tập, chậm tiến độ đề tài, chậm nộp báo cáo kết quả học tập ...: Hội đồng xem xét cho ý kiến từng trường hợp cụ thể để không ảnh hưởng đến kết quả xếp loại chất lượng khi do các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng.

- Đối với trường hợp đề nghị tính khối lượng giảng dạy các học phần giảng dạy theo hình thức chuyển đổi để xét xếp loại và thi đua (không tính thừa giờ): chỉ xét đến các trường hợp VCGD đang thiếu giờ hoạt động giảng dạy theo quy định, có mức xếp loại hoạt động nghiên cứu khoa học từ B (hoàn thành nhiệm vụ) trở lên và mức xếp loại chất lượng năm học 2021 - 2022 là C (không hoàn thành nhiệm vụ), VCGD bổ sung minh chứng và có xác nhận của Phòng Đào tạo Đại học.

- Hội đồng cho ý kiến kết quả xếp loại chất lượng một số VCGD nghỉ chế độ trong năm học 2021 - 2022, năm học 2022 - 2023 và tính khối lượng miễn giảm giờ dạy, giờ nghiên cứu khoa học.

2. Hội đồng thông qua kết quả xếp loại KPIs_QL của Trưởng Khoa, kết quả xếp loại Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm và tương đương theo quy định của Nhà trường và quyết định của Hội đồng đánh giá, xếp loại (*kết quả xếp loại xem phụ lục số 2*).

3. Đối với nhân viên hành chính nhóm 2 (*kết quả xếp loại xem phụ lục số 1*)

Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng dựa trên đề xuất của đơn vị; việc chấp hành các quy định của Nhà trường; căn cứ kết quả xếp loại KPIs_QL của Trưởng Khoa, kết quả xếp loại Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm và tương đương theo quy định của Nhà trường và quyết định của Hội đồng đánh giá, xếp loại.

- Các cá nhân thuộc nhóm 2 vi phạm quy định chấm công, thực hiện trừ 2,75 điểm cho mỗi 01 lần vi phạm.

Trưởng Khoa, Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm và tương đương kiểm tra, đề xuất Hội đồng điều chỉnh tỷ lệ xếp loại cá nhân thuộc nhóm 2 theo đúng quy định.

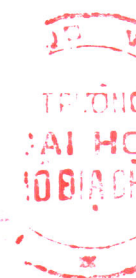
4. Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng và các Phó chủ tịch Hội đồng giải quyết các kiến nghị, phản ánh về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể năm học 2021 - 2022.

II. Phần 2: Đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs và hạng nhân viên hành chính năm học 2022 - 2023

1. VCGD đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs theo quy định tại BM-02a; BM-02b (*Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022*); Khoa tổng hợp đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs theo BM-02c và Phụ lục số 3 (nhóm 3A, 3B không bao gồm Trưởng Khoa).

2. Các Phòng, Văn phòng, Ban, Trạm, Trung tâm, Khoa thực hiện xếp hạng nhân viên hành chính tại đơn vị từ 8/2022-7/2023, gửi kết quả dự kiến xếp hạng theo BM-03b và Phụ lục số 4.

Lưu ý: trừ BM-02b, các biểu mẫu nêu trong công văn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021.



Các ý kiến phản hồi về kết quả đánh giá, xếp loại cá nhân và tập thể năm học 2021 - 2022, đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs và xếp hạng nhân viên hành chính năm học 2022 - 2023 tập hợp theo đơn vị (Khoa, Phòng, Văn phòng, Ban, Trung tâm, Trạm và tương đương), gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ trước **17h00 ngày 09/11/2022** (đ/c Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- Các đơn vị (để t/hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB₍₈₎.

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS *Bùi Xuân Nam*



KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Công văn số: 599/MĐC-TCCB ngày 03 tháng 11 năm 2022)

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
1	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	1	x					
2	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	1	x					
3	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện	1			x			
4	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện	1			x			
5	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện	1			x			
6	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện	1			x			
7	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện	1		x				
8	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện	1		x				
9	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	1	x					
10	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện	1			x			
11	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện	1		x				
12	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện	1	x					
13	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện	1			x			
14	Tổng Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện	1		x				
15	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện	1			x			
16	Đoàn Văn Giáp	Khoa Cơ - Điện	1	x					
17	Phạm Văn Tiên	Khoa Cơ - Điện	1		x				
18	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	1	x					
19	Kiều Đức Thịnh	Khoa Cơ - Điện	1		x				
20	Nguyễn Khắc Linh	Khoa Cơ - Điện	1	x					
21	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện	1		x				
22	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	1	x					
23	Uông Quang Tuyển	Khoa Cơ - Điện	1		x				
24	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	1	x					
25	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện	1	x					
26	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	1		x				
27	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện	3B	x					
28	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện	3D	x					
29	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	3B	x					
30	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện	3B	x					
31	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện	3B	x					
32	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	3E	x					
33	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	3E	x					
34	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	3E	x					
35	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	3E		x				
36	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện	3E	x					
37	Kim Thị Cẩm Anh	Khoa Cơ - Điện	3E	x					
38	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện	3E	x					
39	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện	3E		x				
40	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện	3E	x					
41	Nguyễn Đăng Tấn	Khoa Cơ - Điện	3E	x					
42	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện	3E	x					
43	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện	3C	x					
44	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện	2			x			
45	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	2	x					
46	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	2	x					
47	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	2	x					
48	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	2	x					
49	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện	2	x					
50	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện	2		x				
51	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện	2	x					
52	Vũ Đỗ Dũng	Khoa Cơ - Điện	ĐHNN					x	
53	Đặng Vũ Đình	Khoa Cơ - Điện	ĐHNN					x	

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
54	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện	ĐHNN					x	
55	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện	ĐHNN					x	
56	Nguyễn ánh Dương	Khoa Cơ - Điện	ĐHNN					x	
57	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện	ĐHNN					x	
58	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin	1		x				
59	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
60	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
61	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
62	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
63	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x					
64	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin	2		x				
65	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
66	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
67	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
68	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x					
69	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x					
70	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin	3B	x					
71	Lê Văn Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	3B	x					
72	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x					
73	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin	3D		x				
74	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin	1		x				
75	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
76	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin	1			x			
77	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
78	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	1		x				
79	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin	2		x				
80	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin	1		x				
81	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x					
82	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x					
83	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin	2	x					
84	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
85	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
86	Phạm Quang Hiến	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
87	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	2	x					
88	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin	2	x					
89	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin	3C	x					
90	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	2	x					
91	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ thông tin	3E		x				
92	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin	1			x			
93	Phạm An Cường	Khoa Công nghệ thông tin	1			x			
94	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin	1			x			
95	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin	1		x				
96	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	2	x					
97	Diêm Công Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin	3B	x					
98	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x					
99	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
100	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
101	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
102	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
103	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	1	x					
104	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	2	x					
105	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin	1			x			
106	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin	1		x				
107	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin	1		x				
108	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	1		x				
109	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x					
110	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	3E	x					
111	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin	3E		x				
112	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin	2		x				
113	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin	ĐHNN					x	

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
114	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin	ĐHNN					x	
115	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin	ĐHNN					x	
116	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin	ĐHNN					x	
117	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin	ĐHNN					x	
118	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin	2	x					
119	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí	1		x				
120	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí	1		x				
121	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí	1				x		
122	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí	1		x				
123	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí	1			x			
124	Dương Văn Hào	Khoa Dầu khí	1	x					
125	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí	1	x					
126	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí	1			x			
127	Nguyễn Trần Tuấn	Khoa Dầu khí	1			x			
128	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí	1		x				
129	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí	1		x				
130	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí	1	x					
131	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí	1	x					
132	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí	1			x			
133	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí	1	x					
134	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí	1	x					
135	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí	1	x					
136	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí	1	x					
137	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí	1		x				
138	Triệu Hùng Trường	Khoa Dầu khí	3A	x					
139	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí	3B	x					
140	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí	3B		x				
141	Hoàng Anh Dũng	Khoa Dầu khí	3B	x					
142	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí	3B	x					
143	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí	3D	x					
144	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí	3B	x					
145	Nguyễn Thế Vinh	Khoa Dầu khí	3B	x					
146	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí	3E	x					
147	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí	3E	x					
148	Lê Quang Duyệt	Khoa Dầu khí	3E		x				
149	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí	3E	x					
150	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí	3E	x					
151	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí	3E	x					
152	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí	3E	x					
153	Tổng Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí	3E	x					
154	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí	2	x					
155	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí	2	x					
156	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí	2	x					
157	Trần Ngọc Tuấn	Khoa Dầu khí	2	x					
158	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí	2	x					
159	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí	2		x				
160	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí	ĐHNN		x				
161	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
162	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí	ĐHNN			x			
163	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
164	Tổng Trần Anh	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
165	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
166	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
167	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
168	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
169	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
170	Dương Việt Cường	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
171	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí	ĐHNN					x	
172	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	3E	x					

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
173	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng	3E	x					
174	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục quốc phòng	1	x					
175	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	1	x					
176	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	1	x					
177	Nghiêm Công Đình	Khoa Giáo dục quốc phòng	1	x					
178	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng	2		x				
179	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	2	x					
180	Phạm Quốc Đám	Khoa Giáo dục quốc phòng	3B	x					
181	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng	KĐG					x	
182	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
183	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
184	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
185	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
186	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
187	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
188	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
189	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
190	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
191	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
192	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
193	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
194	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản	1				x		
195	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
196	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
197	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
198	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản	1				x		
199	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
200	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
201	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
202	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
203	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
204	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
205	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
206	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
207	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
208	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
209	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
210	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
211	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
212	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
213	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
214	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
215	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
216	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
217	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản	HĐ		x				
218	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản	HĐ		x				
219	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
220	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
221	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
222	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
223	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
224	Hoàng Ngự Huân	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
225	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
226	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
227	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
228	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
229	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
230	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
231	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
232	Vũ Bá Dũng	Khoa Khoa học cơ bản	1			x			
233	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
234	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
235	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
236	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
237	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản	1		x				
238	Tổng Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	1	x					
239	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản	3D	x					
240	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản	3D	x					
241	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	3D	x					
242	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản	3D		x				
243	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản	3B		x				
244	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản	3E			x			
245	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x				
246	Nguyễn Quang Huy	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x					
247	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x					
248	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x					
249	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	3E			x			
250	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x				
251	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x				
252	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x				
253	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x					
254	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x				
255	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản	3E		x				
256	Nguyễn Trường Thanh	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x					
257	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x					
258	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản	3E	x					
259	Hà Thị Hiến	Khoa Khoa học cơ bản	2	x					
260	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản	ĐHNN					x	
261	Trần Thanh Hải	Khoa Khoa học và KTĐC	3A	x					
262	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KTĐC	3D		x				
263	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC	3B	x					
264	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC	3B	x					
265	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KTĐC	3B	x					
266	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KTĐC	3B	x					
267	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KTĐC	3E	x					
268	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC	1	x					
269	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
270	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC	1	x					
271	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC	1			x			
272	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	2	x					
273	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KTĐC	3E	x					
274	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KTĐC	3E	x					
275	Phạm Minh Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC	1			x			
276	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	1	x					
277	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KTĐC	1			x			
278	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	1	x					
279	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
280	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	2	x					
281	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC	2		x				
282	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC	3E		x				
283	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC	3E			x			
284	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Khoa học và KTĐC	1	x					
285	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	1			x			
286	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
287	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KTĐC	1			x			
288	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC	2	x					

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
289	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KTĐC	3E		x				
290	Phạm Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC	3E			x			
291	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC	1			x			
292	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
293	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
294	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
295	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC	1			x			
296	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC	2		x				
297	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
298	Khuong Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	1	x					
299	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC	1	x					
300	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC	1	x					
301	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
302	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
303	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KTĐC	1			x			
304	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
305	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC	1	x					
306	Ngô Xuân Đắc	Khoa Khoa học và KTĐC	1		x				
307	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KTĐC	2		x				
308	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	2	x					
309	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	2		x				
310	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC	1					x	
311	Nguyễn Khắc Giảng	Khoa Khoa học và KTĐC	1					x	
312	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
313	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
314	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
315	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
316	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
317	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
318	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
319	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
320	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
321	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
322	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC	NN và NKL					x	
323	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC	NN và NKL					x	
324	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa Khoa học và KTĐC	NN và NKL					x	
325	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN					x	
326	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN		x				
327	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC	ĐHNN		x				
328	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x					
329	Lê Minh Thống	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x					
330	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x					
331	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
332	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
333	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
334	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
335	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
336	Nguyễn Ngọc Khánh	Khoa Kinh tế - QTKD	3B	x					
337	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa Kinh tế - QTKD	3B	x					
338	Đào Anh Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x					
339	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x					
340	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	1			x			
341	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	1		x				
342	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD	1		x				
343	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
344	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
345	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
346	Nguyễn Văn Thường	Khoa Kinh tế - QTKD	1		x				
347	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
348	Nguyễn Văn Bưởi	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
349	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
350	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
351	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
352	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
353	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
354	Trần Anh Dũng	Khoa Kinh tế - QTKD	3D	x					
355	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x					
356	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x					
357	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	3B	x					
358	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x					
359	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa Kinh tế - QTKD	3E	x					
360	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
361	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
362	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
363	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
364	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
365	Dương Thị Nhân	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
366	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
367	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
368	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
369	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
370	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	1	x					
371	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD	HĐ		x				
372	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD	ĐHNN					x	
373	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	2	x					
374	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	2	x					
375	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD	2			x			
376	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
377	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
378	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
379	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
380	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
381	Bùi Thị Thủy Dương	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
382	Ngô Văn Hường	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
383	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
384	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
385	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
386	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
387	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	1	x					
388	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	3B	x					
389	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	3E	x					
390	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị	3E	x					
391	Nguyễn Thị Phương	Khoa Lý luận chính trị	3E	x					
392	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	2		x				
393	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mô	1			x			
394	Phạm Đức Hưng	Khoa Mô	1		x				
395	Đào Văn Chi	Khoa Mô	1	x					
396	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mô	1	x					
397	Lê Tiến Dũng	Khoa Mô	1	x					
398	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mô	1		x				
399	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mô	1	x					
400	Đặng Phương Thảo	Khoa Mô	1				x		
401	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mô	1	x					
402	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mô	1	x					
403	Nguyễn Đình An	Khoa Mô	1		x				
404	Phạm Văn Việt	Khoa Mô	1	x					
405	Lê Quý Thảo	Khoa Mô	1		x				
406	Trần Đình Bảo	Khoa Mô	1	x					
407	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mô	1	x					
408	Nguyễn Hoàng	Khoa Mô	1	x					

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
409	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mô	1			x			
410	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mô	1	x					
411	Vũ Thị Chinh	Khoa Mô	1		x				
412	Trần Văn Được	Khoa Mô	1	x					
413	Phạm Thị Nhung	Khoa Mô	1	x					
414	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mô	1		x				
415	Bùi Xuân Nam	Khoa Mô	3A	x					
416	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mô	3D	x					
417	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mô	3D	x					
418	Phạm Văn Hòa	Khoa Mô	3B	x					
419	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mô	3E	x					
420	Vũ Trung Tiến	Khoa Mô	3E	x					
421	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mô	3E	x					
422	Trần Quang Hiếu	Khoa Mô	3E	x					
423	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mô	3E	x					
424	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mô	3E	x					
425	Phạm Văn Luận	Khoa Mô	3E	x					
426	Trần Trung Tới	Khoa Mô	3E	x					
427	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mô	2	x					
428	Hoàng Thị Nga	Khoa Mô	2	x					
429	Đinh Thị Thanh Nhân	Khoa Mô	2	x					
430	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mô	2			x			
431	Lê Việt Hà	Khoa Mô	2		x				
432	Lê Quang Phục	Khoa Mô	ĐHNN		x				
433	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mô	ĐHNN			x			
434	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mô	ĐHNN					x	
435	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mô	ĐHNN					x	
436	Phạm Thanh Hải	Khoa Mô	ĐHNN					x	
437	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mô	ĐHNN					x	
438	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường	3B		x				
439	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường	3E	x					
440	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường	1			x			
441	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường	1			x			
442	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	1	x					
443	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường	1			x			
444	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường	1			x			
445	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường	1			x			
446	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường	1			x			
447	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	1	x					
448	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường	3E	x					
449	Đào Đình Thuận	Khoa Môi trường	3E	x					
450	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường	1		x				
451	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường	1	x					
452	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường	1	x					
453	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường	1	x					
454	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường	1	x					
455	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	1	x					
456	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường	2		x				
457	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường	NN			x			
458	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường	3E	x					
459	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường	3E		x				
460	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	1		x				
461	Đỗ Văn Nhuận	Khoa Môi trường	1		x				
462	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường	1				x		
463	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường	1		x				
464	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường	1		x				
465	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường	1		x				
466	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường	2	x					
467	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường	ĐHNN					x	
468	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường	ĐHNN					x	

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
469	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường	ĐHNN					x	
470	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1		x				
471	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1			x			
472	Nguyễn Văn Lợi	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1			x			
473	Phạm Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1			x			
474	Trần Xuân Trường	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3A	x					
475	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
476	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
477	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
478	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
479	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
480	Dương Văn Phong	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1		x				
481	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
482	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1		x				
483	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
484	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1		x				
485	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
486	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
487	Trần Thùy Linh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1		x				
488	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
489	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1		x				
490	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
491	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
492	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
493	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
494	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
495	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1			x			
496	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1			x			
497	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
498	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1			x			
499	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1			x			
500	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1		x				
501	Trần Xuân Miến	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1		x				
502	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1			x			
503	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
504	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
505	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1			x			
506	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1	x					
507	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	1		x				
508	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2		x				
509	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2	x					
510	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2	x					
511	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2	x					
512	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2		x				
513	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2		x				
514	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2	x					
515	Nguyễn Thị Hà	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2	x					
516	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2	x					
517	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	2	x					
518	Bùi Ngọc Quý	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
519	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
520	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
521	Trần Văn Anh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
522	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
523	Nguyễn Việt Hà	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3B	x					
524	Lê Đức Tình	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3B	x					
525	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
526	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
527	Nguyễn Việt Nghĩa	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3B	x					
528	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
529	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
530	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
531	Phạm Thế Huynh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
532	Dương Thành Trung	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E		x				
533	Lưu Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E		x				
534	Hoàng Thị Thủy	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3E	x					
535	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	3C	x					
536	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL					x	
537	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL					x	
538	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL					x	
539	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL					x	
540	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL			x			
541	Bùi Khắc Luyện	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL					x	
542	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL					x	
543	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL					x	
544	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL			x			
545	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NN và NKL			x			
546	Đinh Thị Lệ Hà	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	NKL					x	
547	Nguyễn Xuân Mãn	Khoa Xây dựng	1	x					
548	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	1	x					
549	Phạm Thị Nhân	Khoa Xây dựng	1	x					
550	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	1	x					
551	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	1	x					
552	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng	1			x			
553	Đào Việt Đoàn	Khoa Xây dựng	1	x					
554	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	1	x					
555	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	1	x					
556	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	1	x					
557	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	1	x					
558	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	1	x					
559	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng	1	x					
560	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	1	x					
561	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng	1	x					
562	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng	1	x					
563	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng	3B	x					
564	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng	3B	x					
565	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng	3E	x					
566	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	3E	x					
567	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	3E	x					
568	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng	3E	x					
569	Vũ Minh Ngan	Khoa Xây dựng	3E	x					
570	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng	3E	x					
571	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng	2	x					
572	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng	2	x					
573	Ngô Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng	2		x				
574	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng	ĐHNN					x	
575	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng	ĐHNN			x			
576	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng	ĐHNN					x	
577	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng	ĐHNN					x	
578	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	ĐHNN	x					
579	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng	ĐHNN					x	
580	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng	ĐHNN					x	
581	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng	ĐHNN					x	
582	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng	ĐHNN					x	
583	Nguyễn Tiến Dũng	Ban Quản lý các dự án	2	x					

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
584	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý các dự án	2		x				
585	Nguyễn Ngọc Dương	Ban Quản lý các dự án	2	x					
586	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các dự án	2	x					
587	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý các dự án	3B	x					
588	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất	3C		x				
589	Nguyễn Thủy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	2	x					
590	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	2	x					
591	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	2	x					
592	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất	2			x			
593	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	2	x					
594	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	2	x					
595	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	2	x					
596	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất	2			x			
597	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất	2		x				
598	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	2	x					
599	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất	2	x					
600	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất	2		x				
601	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất	2			x			
602	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất	2			x			
603	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất	2			x			
604	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác chính trị - SV	2	x					
605	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác chính trị - SV	2	x					
606	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác chính trị - SV	2	x					
607	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác chính trị - SV	2		x				
608	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác chính trị - SV	2		x				
609	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác chính trị - SV	2		x				
610	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị - SV	2	x					
611	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	2	x					
612	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	2	x					
613	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	2	x					
614	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học	2		x				
615	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo đại học	2	x					
616	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học	2	x					
617	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo đại học	2		x				
618	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo đại học	2	x					
619	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo đại học	2		x				
620	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo đại học	2	x					
621	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo đại học	2	x					
622	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo đại học	2		x				
623	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Phòng Đào tạo đại học	2	x					
624	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo đại học	2		x				
625	Hà Ngọc Kiên	Phòng đào tạo sau đại học	2	x					
626	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng đào tạo sau đại học	2		x				
627	Nguyễn Thị Vân	Phòng đào tạo sau đại học	2	x					
628	Phạm Ngọc Hà	Phòng đào tạo sau đại học	2	x					
629	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp	3C	x					
630	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2		x				
631	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
632	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
633	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2		x				
634	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2		x				
635	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2		x				
636	Trần Văn Huyền	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2		x				
637	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
638	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
639	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
640	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
641	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
642	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2		x				
643	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
644	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2		x				
645	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
646	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
647	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
648	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
649	Hàn Văn Tường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
650	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
651	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
652	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x					
653	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	2	x					
654	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế	2		x				
655	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính	3C	x					
656	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính	3C		x				
657	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính	2	x					
658	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính	2		x				
659	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính	2	x					
660	Quách Thị Nhíp	Phòng Kế hoạch Tài chính	2		x				
661	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	2	x					
662	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	2	x					
663	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính	2		x				
664	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính	2		x				
665	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ	2	x					
666	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ	2	x					
667	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ	2	x					
668	Trần Thị Hải Vân	Phòng Khoa học Công nghệ	2		x				
669	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC&DN	3C	x					
670	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC&DN	2		x				
671	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC&DN	2	x					
672	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC&DN	2	x					
673	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC&DN	2	x					
674	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC&DN	2	x					
675	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức Cán bộ	2	x					
676	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức Cán bộ	2		x				
677	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức Cán bộ	2	x					
678	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức Cán bộ	2	x					
679	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức Cán bộ	3C	x					
680	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	2		x				
681	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản	2	x					
682	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản	2			x			
683	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
684	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
685	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
686	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ	2	x					
687	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
688	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ	2			x			
689	Nguyễn Văn Khấn	Trung tâm Dịch vụ	2	x					
690	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
691	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
692	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
693	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
694	Trần Thị Duyệt	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
695	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
696	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
697	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ	2		x				
698	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	2	x					
699	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	2	x					
700	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm Dịch vụ	2	x					
701	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	2						Đơn vị đang có đơn
702	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	2						đề nghị để trình HĐ

TT	Họ và tên	Khoa/phòng/ban/Trạm/T T	Nhóm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
				A+	A	B	C	KĐ G	
703	Ngô Huyền Giang	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	2						xem xét
704	Trịnh Thế Lực	Trung tâm Phân tích, Thí nghiệm Công nghệ cao	2	x					
705	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - TV	3C	x					
706	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - TV	3C	x					
707	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
708	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
709	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
710	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
711	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
712	Phan Thị Phụng	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
713	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
714	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
715	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
716	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
717	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - TV	2		x				
718	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - TV	2	x					
719	Nguyễn Hữu Độ	Trung tâm Thông tin - TV	2		x				
720	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - TV	2		x				
721	Ngô Thị Hương Liên	Trung tâm Thông tin - TV	2		x				
722	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế	3C	x					
723	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	2	x					
724	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế	2	x					
725	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trạm Y tế	2		x				
726	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến	2			x			
727	Vũ Thu Hương	Văn phòng Chương trình tiên tiến	2	x					
728	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến	2					x	
729	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	2	x					
730	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện	2			x			
731	Phạm Tổ Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	2	x					
732	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	2	x					
733	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	2		x				
734	Trần Thị Thu Trang	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	3C	x					

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ
NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Kèm theo Công văn số: 599/MĐC-TCCB ngày 03 tháng 11 năm 2022)

TT	Đơn vị	Mức xếp loại
A	Khối Khoa	
1	Khoa Cơ - Điện	A+
2	Bộ môn Điện khí hóa XN	A+
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
5	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
6	Bộ môn Tự động hóa XN M&DK	A+
7	Xưởng Cơ - Điện	A+
8	VP khoa Cơ - Điện	
9	Khoa Công nghệ thông tin	A+
10	BM Tin học Kinh tế	A+
11	BM Khoa học máy tính	A+
12	Bộ môn Mạng máy tính	A+
13	Bộ môn Tin học Địa chất	B
14	BM HT Thông tin và Tri thức	A+
15	BM Tin học Trắc địa	A+
16	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
17	Phòng TN Địa - Tin học	A+
18	VP Khoa Công nghệ thông tin	
19	Khoa Dầu khí	B
20	Bộ môn Địa chất dầu	B
21	Bộ môn Địa vật lý	A
22	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
23	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	A+
24	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
25	VP khoa Dầu khí	
26	Khoa Giáo dục quốc phòng	A+
27	Bộ môn Đường lối quân sự	A+
28	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	A+
29	VP khoa GDQP	
30	Khoa Khoa học cơ bản	B
31	Bộ môn Cơ lý thuyết	B
32	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
33	Bộ môn Hình họa	C
34	Bộ môn Hóa	B
35	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
36	Bộ môn Toán	A+
37	Bộ môn Vật lý	A+
38	VP Khoa khoa học Cơ bản	

TT	Đơn vị	Mức xếp loại
39	Khoa Khoa học và KTĐC	A+
40	Bộ môn Địa chất	A+
41	Bộ môn Địa chất công trình	A+
42	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A
43	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B
44	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
45	Văn phòng khoa KH và KTĐC	
46	Khoa Kinh tế - QTKD	A+
47	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
48	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
49	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
50	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
51	VP khoa KT & QTKD	
52	Khoa Lý luận chính trị	A+
53	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN	A+
54	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
55	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKKH	A+
56	VP khoa Lý luận chính trị	
57	Khoa Mỏ	B
58	Bộ môn Khai thác hầm lò	B
59	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
60	Bộ môn Sức bền vật liệu	B
61	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
62	VP khoa Mỏ	
63	Khoa Môi trường	B
64	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	B
65	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
66	Bộ môn Môi trường cơ sở	B
67	VP Khoa Môi trường	
68	Khoa Trắc địa - BD và QLDD	B
69	Bộ môn Bản đồ	A
70	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
71	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
72	Bộ môn Trắc địa Công trình	B
73	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
74	Bộ môn Địa chính	A
75	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A+
76	Tổ máy Trắc địa	A+
77	VP Khoa Trắc địa BD-QLDD	
78	Khoa Xây dựng	A+
79	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
80	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	A+
81	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
82	VP khoa Xây dựng	
B	Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm	
1	Phòng Công tác chính trị - SV	A
2	Phòng Cơ sở vật chất	A

TT	Đơn vị	Mức xếp loại
3	Phòng Đào tạo Đại học	A+
4	Phòng Đào tạo sau đại học	A+
5	Phòng ĐBCLGD	A
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	A+
7	Phòng Hợp tác quốc tế	A+
8	Phòng KHCN	A+
9	Phòng Kế hoạch Tài chính	A
10	Phòng Quan hệ CC và DN	A+
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	A+
12	Phòng Xuất bản	A
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến	A
14	VP Đảng - Đoàn thể	A+
15	Trạm y tế	A+
16	Trung tâm dịch vụ	A
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	A+
18	Trung tâm PTTN CN cao	A+
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện	A+
20	Ban quản lý các dự án	A+
21	Văn phòng Đại diện	A+